

**BẢNG SO SÁNH LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM NĂM 2022 VÀ LUẬT SỬA, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM**

<b>Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022</b>	<b>Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>Lý do bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung</b>
<b>CHƯƠNG I – NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b>		
<b>Điều 3. Áp dụng Luật Kinh doanh bảo hiểm, luật khác có liên quan và tập quán quốc tế</b>  1. Trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật này có hiệu lực thi hành cần quy định khác với quy định của Luật này về hợp đồng bảo hiểm, thành lập, tổ chức hoạt động, hoạt động nghiệp vụ, tài chính, hạch toán kế toán và báo cáo tài chính, khả năng thanh toán và biện pháp can thiệp đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật này.  2. Các bên tham gia hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm có thể thỏa thuận áp dụng tập quán quốc tế trong trường hợp có ít nhất một trong các bên tham gia là tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc các bên tham gia là tổ chức Việt Nam, công dân Việt Nam nhưng đối tượng bảo hiểm hoặc việc thực hiện hợp đồng ở nước ngoài. Nếu hậu quả của việc áp dụng tập quán quốc tế trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam thì pháp luật Việt Nam được áp dụng.	<b>Điều 3. Áp dụng Luật Kinh doanh bảo hiểm, luật khác có liên quan và tập quán quốc tế</b>  1. Trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật này có hiệu lực thi hành cần quy định khác với quy định của Luật này về hợp đồng bảo hiểm, thành lập, tổ chức hoạt động, hoạt động nghiệp vụ, tài chính, hạch toán kế toán và báo cáo tài chính, khả năng thanh toán và biện pháp can thiệp đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật này.  2. Các bên tham gia hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm có thể thỏa thuận áp dụng tập quán quốc tế trong trường hợp có ít nhất một trong các bên tham gia là tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc các bên tham gia là tổ chức Việt Nam, công dân Việt Nam nhưng đối tượng bảo hiểm hoặc việc thực hiện hợp đồng ở nước ngoài. Nếu hậu quả của việc áp dụng tập quán quốc tế trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam	Bổ sung quy định tại khoản 3, 4 Điều 3 nhằm đảm bảo tính minh bạch, không chồng chéo giữa các quy định pháp luật nhưng vẫn giữ được chặt chẽ trong áp dụng quy luật chung và luật chuyên ngành, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật.

	<p>thì pháp luật Việt Nam được áp dụng.</p> <p><u>3. Tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn, thành lập, quản lý, kiểm soát doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p><u>4. Tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm, cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm tại Việt Nam phải là tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. Cá nhân hoạt động đại lý bảo hiểm, cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm tại Việt Nam phải là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo Bộ luật dân sự.</u></p>	
--	--	--

### CHƯƠNG III – DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM, DOANH NGHIỆP TÁI BẢO HIỂM, CHI NHÁNH NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

#### MỤC 1. GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

<p><b>Điều 63. Nội dung hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</b></p> <p>1. Nội dung hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài bao gồm:</p> <p>a) Kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm;</p> <p>b) Quản lý các quỹ và đầu tư vốn từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm;</p> <p>c) Cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm;</p> <p>d) Hoạt động khác liên quan trực tiếp đến hoạt động</p>	<p><b>Điều 63. Nội dung hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</b></p> <p>1. Nội dung hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài bao gồm:</p> <p>a) Kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm;</p> <p>b) Quản lý các quỹ và đầu tư vốn từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm;</p> <p>c) Cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm;</p> <p>d) Hoạt động khác liên quan trực tiếp đến hoạt động</p>	Sửa đổi để tránh nhầm lẫn
---	---	---------------------------

<p>kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>2. Nội dung hoạt động của doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài bao gồm:</p> <p>a) Kinh doanh tái bảo hiểm; nhượng tái bảo hiểm;</p> <p>b) Quản lý các quỹ và đầu tư vốn từ hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm;</p> <p>c) Hoạt động khác liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm.</p> <p>3. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài chỉ được phép kinh doanh một loại hình bảo hiểm quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ kinh doanh bảo hiểm sức khỏe;</p> <p>b) Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài kinh doanh các sản phẩm thuộc loại hình bảo hiểm sức khỏe có thời hạn từ 01 năm trở xuống và các sản phẩm bảo hiểm cho rủi ro tử vong có thời hạn từ 01 năm trở xuống;</p> <p>c) Doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm cho rủi ro tử vong có thời hạn từ 01 năm trở xuống.</p>	<p>động kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>2. Nội dung hoạt động của doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài bao gồm:</p> <p>a) Kinh doanh tái bảo hiểm; nhượng tái bảo hiểm;</p> <p>b) Quản lý các quỹ và đầu tư vốn từ hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm;</p> <p>c) Hoạt động khác liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm.</p> <p>3. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài chỉ được phép kinh doanh một loại hình bảo hiểm quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ kinh doanh bảo hiểm sức khỏe;</p> <p>b) Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài kinh doanh các sản phẩm thuộc loại hình bảo hiểm sức khỏe có thời hạn từ 01 năm trở xuống và các sản phẩm bảo hiểm cho rủi ro tử vong có thời hạn từ 01 năm trở xuống;</p> <p>c) Doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm cho rủi ro tử vong có thời hạn từ 01 năm trở xuống.</p>	
<p><b>Điều 64. Điều kiện chung cấp giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm</b></p> <p>1. Điều kiện về cổ đông, thành viên góp vốn thành lập:</p>	<p><b>Điều 64. Điều kiện chung cấp giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm</b></p> <p>1. Điều kiện về cổ đông, thành viên góp vốn thành lập:</p>	<p>Thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 về cắt giảm và đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp. Đối với các quy định chung đã có thì không nhất thiết lặp lại ở các điều khoản riêng.</p>

<p>a) Tổ chức, cá nhân có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Tổ chức có tư cách pháp nhân, đang hoạt động hợp pháp; trường hợp tham gia góp từ 10% vốn điều lệ trở lên thì phải kinh doanh có lãi trong 03 năm tài chính liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép và đáp ứng các điều kiện về tài chính theo quy định của Chính phủ;</p> <p>c) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm đã được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm mới phải kinh doanh có lãi trong 03 năm tài chính liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép và đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của Luật này.</p> <p>2. Điều kiện về vốn:</p> <p>a) Vốn điều lệ được góp bằng Đồng Việt Nam và không thấp hơn mức tối thiểu theo quy định của Chính phủ;</p> <p>b) Cổ đông, thành viên góp vốn thành lập không được sử dụng vốn vay, nguồn vốn ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân khác để tham gia góp vốn.</p> <p>3. Điều kiện về nhân sự: có Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Chuyên gia tính toán dự kiến đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn về năng lực quản lý, kinh nghiệm và chuyên môn nghiệp vụ quy định tại Điều 81 của Luật này.</p> <p>4. Có hình thức tổ chức hoạt động theo quy định của Luật này và có dự thảo điều lệ phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><del>a) Tổ chức, cá nhân có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</del></p> <p>b) Tổ chức có tư cách pháp nhân, đang hoạt động hợp pháp; trường hợp tham gia góp từ 10% vốn điều lệ trở lên thì phải kinh doanh có lãi trong 03 năm tài chính liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép và đáp ứng các điều kiện về tài chính theo quy định của Chính phủ;</p> <p>c) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm đã được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm mới phải kinh doanh có lãi trong 03 năm tài chính liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép và đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của Luật này.</p> <p>2. Điều kiện về vốn:</p> <p>a) Vốn điều lệ được góp bằng Đồng Việt Nam <u>bằng tiền</u> và không thấp hơn mức tối thiểu theo quy định của Chính phủ;</p> <p>b) Cổ đông, thành viên góp vốn thành lập không được sử dụng vốn vay, nguồn vốn ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân khác để tham gia góp vốn.</p> <p>3. Điều kiện về nhân sự: có Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Chuyên gia tính toán dự kiến đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn về năng lực quản lý, kinh nghiệm và chuyên môn nghiệp vụ quy định tại Điều 81 của Luật này.</p> <p><del>4. Có hình thức tổ chức hoạt động theo quy định của Luật này và có dự thảo điều lệ phù</del></p>	
--	---	--

	hợp với quy định của <b>Luật Doanh nghiệp</b> .”	
<p><b>Điều 65. Điều kiện của thành viên góp vốn thành lập của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn</b></p> <p>Thành viên góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn phải là tổ chức, đáp ứng điều kiện chung quy định tại Điều 64 của Luật này và các điều kiện sau đây:</p> <p>1. Điều kiện đối với tổ chức thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài:</p> <p>a) Là doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài;</p> <p>b) Được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm của nước nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính trong thời hạn 03 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;</p> <p>c) Lĩnh vực dự kiến đề nghị cấp giấy phép thực hiện tại Việt Nam là lĩnh vực mà doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài đang trực tiếp thực hiện hoặc có công ty con thực hiện tối thiểu trong 07 năm liên tục gần nhất;</p> <p>d) Có tổng tài sản không thấp hơn 02 tỷ Đô la Mỹ vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>đ) Cam kết hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, điều hành, hoạt động cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dự kiến thành lập tại Việt Nam; bảo đảm doanh</p>	<p><b>Điều 65. Điều kiện của thành viên góp vốn thành lập của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn</b></p> <p>Thành viên góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn phải là tổ chức, đáp ứng điều kiện chung quy định tại Điều 64 của Luật này và các điều kiện sau đây:</p> <p>1. Điều kiện đối với tổ chức thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài:</p> <p>a) Là doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài;</p> <p><del>b) Được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm của nước nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính trong thời hạn 03 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;</del></p> <p>c) Lĩnh vực dự kiến đề nghị cấp giấy phép thực hiện tại Việt Nam là lĩnh vực mà doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài đang trực tiếp thực hiện hoặc có công ty con thực hiện tối thiểu trong 07 năm liên tục gần nhất;</p> <p>d) Có tổng tài sản không thấp hơn 02 tỷ Đô la Mỹ vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động;</p>	<p>- Thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 về hoàn thiện hệ thống pháp luật, xóa bỏ các rào cản tiếp cận thị trường, bảo đảm môi trường kinh doanh thông thoáng.</p> <p>- Một số nước không xác nhận về việc vi phạm nghiêm trọng. Việc yêu cầu xác nhận không vi phạm nghiêm trọng mang tính định tính, gây khó khăn cho chủ đầu tư.</p>

<p>ng nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm này thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn tài chính, quản trị rủi ro theo quy định của Luật này;</p> <p>e) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản này có thể ủy quyền cho công ty con chuyên thực hiện chức năng đầu tư ra nước ngoài để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam. Công ty con chuyên thực hiện chức năng đầu tư ra nước ngoài phải đáp ứng điều kiện quy định tại điểm d khoản này;</p> <p>2. Điều kiện đối với tổ chức kinh tế thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam: có tổng tài sản không thấp hơn 2.000 tỷ Đồng Việt Nam vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;</p> <p>3. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 và khoản 2 Điều này, Chính phủ quy định cụ thể mức tổng tài sản tối thiểu phù hợp với từng thời kỳ.</p>	<p>đ) Cam kết hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, điều hành, hoạt động cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dự kiến thành lập tại Việt Nam; bảo đảm doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm này thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn tài chính, quản trị rủi ro theo quy định của Luật này;</p> <p>e) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản này có thể ủy quyền cho công ty con chuyên thực hiện chức năng đầu tư ra nước ngoài để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam. Công ty con chuyên thực hiện chức năng đầu tư ra nước ngoài phải đáp ứng điều kiện quy định tại điểm d khoản này;</p> <p>2. Điều kiện đối với tổ chức kinh tế thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam: có tổng tài sản không thấp hơn 2.000 tỷ Đồng Việt Nam vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;</p> <p>3. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 và khoản 2 Điều này, Chính phủ quy định cụ thể mức tổng tài sản tối thiểu phù hợp với từng thời kỳ.”</p>	
<p><b>Điều 70. Thời hạn cấp giấy phép thành lập và hoạt động</b></p> <p>1. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp hoặc từ chối cấp giấy phép thành lập và hoạt động. Trường hợp từ chối cấp giấy phép thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>	<p><b>Điều 70. Thời hạn cấp giấy phép thành lập và hoạt động</b></p> <p>1. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp hoặc từ chối cấp giấy phép thành lập và hoạt động. Trường hợp từ chối cấp giấy phép thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>	<p>Sửa đổi nhằm tránh hiểu nhầm doanh nghiệp phải thực hiện 2 lần thủ tục phê chuẩn chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chuyên gia tính toán tại thời điểm nộp hồ sơ cấp phép. (Vì có doanh nghiệp, cơ quan hiểu rằng Bộ Tài chính mới chấp thuận về</p>

<p>2. Trường hợp cấp giấy phép thành lập và hoạt động, Bộ Tài chính đồng thời có văn bản chấp thuận về nguyên tắc đối với người dự kiến được bổ nhiệm là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán.</p>	<p>2. Trường hợp cấp giấy phép thành lập và hoạt động, Bộ Tài chính đồng thời có văn bản chấp thuận về nguyên tắc đối với người dự kiến được bổ nhiệm là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán</p>	<p>nguyên tắc khi cấp phép, cần chấp thuận thêm lần nữa)</p>
<p><b>Điều 71. Thẩm quyền cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ nội dung hoạt động</b></p> <p>1. Giấy phép thành lập và hoạt động đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>2. Bộ Tài chính có thẩm quyền cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ nội dung hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Sau khi cấp, sửa đổi, bổ sung hoặc thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, Bộ Tài chính có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam đặt trụ sở chính để cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ nội dung hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.</p>	<p><b>Điều 71. Thẩm quyền cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ nội dung hoạt động</b></p> <p>1. Giấy phép thành lập và hoạt động đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>2. Bộ Tài chính có thẩm quyền cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ nội dung hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p><del>3. Sau khi cấp, sửa đổi, bổ sung hoặc thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, Bộ Tài chính có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam đặt trụ sở chính để cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</del></p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ nội dung hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái</p>	<p>Bãi bỏ khoản 3 Điều 71 và thực hiện thống nhất theo điểm c khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15</p>

	bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.	
<p><b>Điều 73. Điều kiện trước khi chính thức hoạt động</b></p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải chính thức hoạt động trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đối với trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải báo cáo bằng văn bản và được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản về việc gia hạn thời gian chính thức hoạt động; thời gian gia hạn tối đa là 12 tháng.</p> <p>2. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng các quy định sau đây để chính thức hoạt động:</p> <p>a) Chuyển số vốn gửi tại tài khoản phong tỏa thành vốn điều lệ hoặc vốn được cấp;</p> <p>b) Xây dựng cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với hình thức hoạt động theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; bầu, bổ nhiệm người đại diện theo pháp luật; bầu, bổ nhiệm các chức danh đã được Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 70 của Luật này;</p> <p>c) Ban hành các quy chế quản lý nội bộ về tổ chức hoạt động, quy chế nội bộ về quản trị rủi ro và các quy trình nghiệp vụ cơ bản theo quy định pháp luật;</p> <p>d) Ký quỹ đầy đủ theo quy định của Luật này tại ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam;</p> <p>đ) Có trụ sở, cơ sở vật chất, kỹ thuật, hệ thống công</p>	<p><b>Điều 73. <del>Điều kiện trước khi</del> Thời hạn chính thức hoạt động</b></p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải chính thức hoạt động trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đối với trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, <i>chậm nhất 15 ngày trước ngày phải chính thức hoạt động theo quy định</i>, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải báo cáo <u>Bộ Tài chính</u> bằng văn bản và <del>được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản về việc gia hạn thời gian chính thức hoạt động</del>; thời gian gia hạn tối đa là 12 tháng.</p> <p><del>2. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng các quy định sau đây để chính thức hoạt động:</del></p> <p><del>a) Chuyển số vốn gửi tại tài khoản phong tỏa thành vốn điều lệ hoặc vốn được cấp;</del></p> <p><del>b) Xây dựng cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với hình thức hoạt động theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; bầu, bổ nhiệm người đại diện theo pháp luật; bầu, bổ nhiệm các chức danh đã được Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 70 của Luật này;</del></p> <p><del>e) Ban hành các quy chế quản lý nội bộ về tổ chức hoạt động, quy chế nội bộ về quản trị rủi</del></p>	<p>Thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 về cắt giảm và đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp. Theo đó, bỏ các điều kiện chính thức hoạt động trong 12 tháng mà chuyển sang hậu kiểm. Các quy định về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro, đã được quy định tại Mục 3 Chương III của Luật, ký quỹ được quy định tại Điều 96 của Luật, việc thu hồi Giấy phép khi quá thời hạn được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 75 Luật.</p>



<p>nghe phù hợp với quy trình nghiệp vụ về kinh doanh bảo hiểm;</p> <p>e) Thực hiện công bố nội dung giấy phép thành lập và hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật này.</p> <p>3. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải thông báo cho Bộ Tài chính về việc đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều này ít nhất 15 ngày trước ngày chính thức hoạt động. Bộ Tài chính có quyền đình chỉ việc chính thức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam khi chưa đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không được tiến hành hoạt động kinh doanh bảo hiểm trước ngày chính thức hoạt động.</p>	<p><del>ro và các quy trình nghiệp vụ cơ bản theo quy định pháp luật;</del></p> <p><del>d) Ký quỹ đầy đủ theo quy định của Luật này tại ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam;</del></p> <p><del>đ) Có trụ sở, cơ sở vật chất, kỹ thuật, hệ thống công nghệ phù hợp với quy trình nghiệp vụ về kinh doanh bảo hiểm;</del></p> <p><del>e) Thực hiện công bố nội dung giấy phép thành lập và hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật này.</del></p> <p><del>3. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải thông báo cho Bộ Tài chính về việc đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều này ít nhất 15 ngày trước ngày chính thức hoạt động. Bộ Tài chính có quyền đình chỉ việc chính thức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam khi chưa đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều này.</del></p> <p><del>4. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không được tiến hành hoạt động kinh doanh bảo hiểm trước ngày chính thức hoạt động.</del></p>	
<p><b>Điều 74. Những thay đổi phải được chấp thuận hoặc phải thông báo</b></p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi một trong các nội dung sau đây:</p> <p>a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính;</p> <p>b) Mức vốn điều lệ; vốn được cấp;</p>	<p><b>Điều 74. Những thay đổi phải được chấp thuận hoặc phải thông báo</b></p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi một trong các nội dung sau đây:</p> <p>a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính;</p>	<p>Tạo điều kiện DNBH tự chịu trách nhiệm đối với hoạt động tổ chức, kinh doanh.</p> <p>Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương đối với các nhiệm vụ có thể phân cấp.</p>

<p>c) Nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động;</p> <p>d) Chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến có cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ;</p> <p>đ) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán;</p> <p>e) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp;</p> <p>g) Đầu tư ra nước ngoài, bao gồm việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài.</p> <p>2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính chấp thuận việc thay đổi theo quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính có trách nhiệm công bố các nội dung thay đổi trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính.</p> <p>3. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải thông báo cho Bộ Tài chính bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có những thay đổi sau đây:</p> <p>a) Thay đổi điều lệ hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>b) Mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;</p> <p>c) Mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm kinh doanh;</p> <p>d) Thay đổi các chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận các thay đổi quy định tại</p>	<p>b) Mức vốn điều lệ; vốn được cấp;</p> <p>c) Nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động;</p> <p>d) Chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến có cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ;</p> <p>đ) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán;</p> <p>e) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp;</p> <p>g) Đầu tư ra nước ngoài, bao gồm việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài.</p> <p>2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính chấp thuận việc thay đổi theo quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính có trách nhiệm công bố các nội dung thay đổi trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính.</p> <p>3. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải thông báo cho Bộ Tài chính bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có những thay đổi sau đây:</p> <p>a) Thay đổi điều lệ hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p><del>b) Mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;</del></p> <p><del>c) Mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm kinh doanh;</del></p>	
--	--	--

<p>khoản 1 và hồ sơ, trình tự, thủ tục ghi nhận các thay đổi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.</p>	<p>d) Thay đổi các chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.</p> <p><i>3a. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có những thay đổi sau đây:</i></p> <p><i>a) Mở, chấm dứt, thay đổi tên, địa điểm chi nhánh của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;</i></p> <p><i>b) Mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm kinh doanh, văn phòng đại diện;</i></p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận các thay đổi quy định tại khoản 1 và hồ sơ, trình tự, thủ tục <u>ghi nhận thông báo</u> các thay đổi quy định tại <u>điểm b</u> khoản 3a Điều này.</p>	
<b>MỤC 2. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG</b>		
<p><b>Điều 78. Tổ chức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</b></p> <p>1. Tổ chức hoạt động ở trong nước của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm bao gồm trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p> <p>2. Tổ chức hoạt động ở nước ngoài của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm bao gồm chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc các hình thức hiện diện thương mại khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Tổ chức hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam bao gồm trụ sở chính, địa điểm kinh</p>	<p><b>Điều 78. Tổ chức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</b></p> <p>1. 1. Tổ chức hoạt động ở trong nước của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm bao gồm: <del>trụ sở chính, chi nhánh (công ty thành viên, hội sở hoặc các hình thức tương đương khác), văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</del></p> <p><i>a) Trụ sở chính;</i></p> <p><i>b) Chi nhánh, sở giao dịch, hội sở, công ty thành viên hạch toán phụ thuộc (được gọi là Chi nhánh) trực thuộc doanh nghiệp bảo</i></p>	<p>Nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, tăng cường tính minh bạch quy định pháp lý.</p>

doanh.	<p><i>hiểm, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền;</i></p> <p><i>c) Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp bảo hiểm có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của doanh nghiệp và bảo vệ các lợi ích đó;</i></p> <p><i>d) Địa điểm kinh doanh, phòng giao dịch (được gọi là địa điểm kinh doanh) là nơi mà doanh nghiệp tiến hành hoạt động kinh doanh cụ thể.</i></p> <p>2. Tổ chức hoạt động ở nước ngoài của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm bao gồm chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc các hình thức hiện diện thương mại khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Tổ chức hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam bao gồm trụ sở chính, địa điểm kinh doanh.</p>	
<p><b>Điều 81. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với người quản lý, người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</b></p> <p>1. Điều kiện, tiêu chuẩn chung:</p> <p>a) Có quyền quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ trong 03 năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm; không bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật tại thời điểm được bầu, bổ nhiệm.</p>	<p><b>Điều 81. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với người quản lý, người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</b></p> <p>1. Điều kiện, tiêu chuẩn chung:</p> <p><del>a) Có quyền quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</del></p> <p>b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ trong 03 năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm; không bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật tại thời điểm được bầu, bổ nhiệm.</p>	<p>Thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 về cắt giảm và đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp về nguồn nhân lực, phù hợp với thực tế đào tạo của thị trường Việt Nam.</p>

<p>2. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên:</p> <p>a) Các điều kiện, tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Có bằng đại học trở lên;</p> <p>c) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên có ít nhất 05 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có ít nhất 03 năm giữ vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên có ít nhất 03 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có ít nhất 03 năm giữ vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.</p> <p>3. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật:</p> <p>a) Các điều kiện, tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm. Trường hợp không có bằng đại học trở lên về chuyên ngành khác và có chứng chỉ bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong nước hoặc ngoài nước cấp;</p> <p>c) Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng, trong đó có ít nhất 03 năm giữ vị trí là người quản lý, người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài;</p> <p>d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p>	<p>2. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên:</p> <p><del>a) Các điều kiện, tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều này;</del></p> <p>b) Có bằng đại học trở lên;</p> <p>c) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên có ít nhất 05 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có ít nhất 03 năm giữ vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại <del>doanh nghiệp</del> <u>tổ chức</u> hoạt động <u>trực tiếp</u> trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên có ít nhất 03 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có ít nhất 03 năm giữ vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại <del>doanh nghiệp</del> <u>tổ chức</u> hoạt động <u>trực tiếp</u> trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.</p> <p>3. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật:</p> <p><del>a) Các điều kiện, tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều này;</del></p> <p>b) Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm. Trường hợp không có bằng đại học trở lên về chuyên ngành khác và <u>có môn học về bảo hiểm hoặc</u> có chứng chỉ bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong nước hoặc ngoài nước cấp;</p> <p>c) Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc</p>	
--	---	--

<p>4. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với người quản lý khác không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam:</p> <p>a) Các điều kiện, tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm. Trường hợp không có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm thì phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành khác và có chứng chỉ bảo hiểm phù hợp với loại hình bảo hiểm mà doanh nghiệp được phép triển khai do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong nước hoặc ngoài nước cấp;</p> <p>c) Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn dự kiến đảm nhiệm. Riêng đối với các trưởng bộ phận nghiệp vụ, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm hoặc lĩnh vực chuyên môn dự kiến đảm nhiệm;</p> <p>d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>5. Người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều này và điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định của Chính phủ.</p> <p>6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết điểm b khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều này, nội dung đào tạo, hồ sơ, trình tự, thủ tục thi, cấp, thu hồi, cấp đổi chứng chỉ bảo hiểm do cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong nước cấp.</p>	<p>trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng, trong đó có ít nhất 03 năm giữ vị trí là người quản lý, người kiểm soát của <del>doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài</del> <u>tổ chức hoạt động trực tiếp trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng</u>;</p> <p>d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>4. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với người quản lý khác không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam:</p> <p><del>a) Các điều kiện, tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều này;</del></p> <p>b) Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm. Trường hợp không có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm thì phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành khác và <u>có môn học về bảo hiểm hoặc</u> có chứng chỉ bảo hiểm phù hợp với loại hình bảo hiểm mà doanh nghiệp được phép triển khai do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong nước hoặc ngoài nước cấp;</p> <p>c) Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn dự kiến đảm nhiệm. Riêng đối với các trưởng bộ phận nghiệp vụ, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm hoặc lĩnh vực chuyên môn dự kiến đảm nhiệm;</p> <p>d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p>	
---	---	--

	<p>5. Người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều này và điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định của Chính phủ.</p> <p>6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết điểm b khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều này, nội dung đào tạo, hồ sơ, trình tự, thủ tục thi, cấp, thu hồi, cấp đổi chứng chỉ bảo hiểm do cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong nước cấp.</p>	
<p><b>Điều 82. Nguyên tắc đảm nhiệm chức vụ</b></p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm khác hoạt động trong cùng lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe hoặc tái bảo hiểm tại Việt Nam.</p> <p>2. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không được đồng thời làm việc cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài khác hoạt động trong cùng lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe hoặc tái bảo hiểm tại Việt Nam.</p> <p>3. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm chỉ được kiêm nhiệm tối đa Giám đốc của 01 chi nhánh hoặc Trưởng 01 văn phòng đại diện hoặc Trưởng 01 bộ</p>	<p><b>Điều 82. Nguyên tắc đảm nhiệm chức vụ</b></p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm khác hoạt động trong cùng lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe hoặc tái bảo hiểm tại Việt Nam.</p> <p>2. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không được đồng thời làm việc cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài khác hoạt động trong cùng lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe hoặc tái bảo hiểm tại Việt Nam.</p> <p>3. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện của</p>	<p>Nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp</p>

phần nghiệp vụ của cùng một doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm. Giám đốc của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam là người đại diện theo pháp luật và chỉ được kiêm nhiệm tối đa Trưởng 01 bộ phận nghiệp vụ của chi nhánh đó.

4. Các chức danh Chuyên gia tính toán, Trưởng bộ phận quản trị rủi ro, Trưởng bộ phận kiểm soát tuân thủ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không được kiêm nhiệm bất kỳ chức danh quản lý nào tại cùng tổ chức; không được đồng thời làm việc tại doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài khác hoạt động tại Việt Nam. Chuyên gia tính toán thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5. Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên không được kiêm nhiệm bất kỳ chức danh quản lý nào tại cùng tổ chức. Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là Kiểm soát viên, người quản lý của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm khác hoạt động tại Việt Nam.

6. Kế toán trưởng, Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không được kiêm nhiệm bất kỳ chức danh nào tại cùng tổ chức; không được đồng thời làm việc tại doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài khác hoạt động tại Việt Nam.

doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm chỉ được kiêm nhiệm tối đa Giám đốc của 01 chi nhánh hoặc Trưởng 01 văn phòng đại diện hoặc Trưởng 01 bộ phận nghiệp vụ của cùng một doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm. Giám đốc của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam là người đại diện theo pháp luật và chỉ được kiêm nhiệm tối đa Trưởng 01 bộ phận nghiệp vụ của chi nhánh đó.

4. Các chức danh Chuyên gia tính toán, Trưởng bộ phận quản trị rủi ro, Trưởng bộ phận kiểm soát tuân thủ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không được kiêm nhiệm bất kỳ chức danh quản lý nào tại cùng tổ chức (trừ trường hợp Chuyên gia tính toán kiêm trưởng bộ phận định phí bảo hiểm); không được đồng thời làm việc tại doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài khác hoạt động tại Việt Nam. Chuyên gia tính toán thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5. Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên không được kiêm nhiệm bất kỳ chức danh quản lý nào tại cùng tổ chức. Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là Kiểm soát viên, người quản lý của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm khác hoạt động tại Việt Nam.

6. Kế toán trưởng, Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không được kiêm nhiệm bất kỳ chức danh nào tại cùng tổ chức (trừ trường hợp Kế toán trưởng kiêm trưởng bộ phận tài



	<i>chính kế toán</i> ); không được đồng thời làm việc tại doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài khác hoạt động tại Việt Nam.	
<b>MỤC 4. HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ</b>		
<p><b>Điều 87. Xây dựng, thiết kế, phát triển và cung cấp sản phẩm bảo hiểm</b></p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được chủ động, tự chịu trách nhiệm trong xây dựng, thiết kế và phát triển sản phẩm bảo hiểm.</p> <p>2. Quy tắc, điều khoản, biểu phí do doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài xây dựng phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:</p> <p>a) Tuân thủ pháp luật, phù hợp với thông lệ, chuẩn mực đạo đức, văn hóa và phong tục, tập quán của Việt Nam;</p> <p>b) Ngôn ngữ sử dụng trong quy tắc, điều khoản bảo hiểm phải chính xác, cách diễn đạt đơn giản, dễ hiểu, các thuật ngữ chuyên môn cần được định nghĩa rõ trong quy tắc, điều khoản bảo hiểm;</p> <p>c) Thể hiện rõ ràng, minh bạch quyền lợi được bảo hiểm, đối tượng bảo hiểm, phạm vi và các rủi ro được bảo hiểm, quyền lợi và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm, trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, phương thức trả tiền bảo hiểm, các quy định giải quyết tranh chấp;</p> <p>d) Phí bảo hiểm phải được xây dựng dựa trên số liệu thống kê, tương ứng với điều kiện, trách nhiệm bảo hiểm và bảo đảm khả năng thanh toán của doanh</p>	<p><b>Điều 87. Xây dựng, thiết kế, phát triển và cung cấp sản phẩm bảo hiểm</b></p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được chủ động, tự chịu trách nhiệm trong xây dựng, thiết kế và phát triển sản phẩm bảo hiểm.</p> <p>2. Quy tắc, điều khoản, biểu phí do doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài xây dựng phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:</p> <p>a) Tuân thủ pháp luật, phù hợp với thông lệ, chuẩn mực đạo đức, văn hóa và phong tục, tập quán của Việt Nam;</p> <p>b) Ngôn ngữ sử dụng trong quy tắc, điều khoản bảo hiểm phải chính xác, cách diễn đạt đơn giản, dễ hiểu, các thuật ngữ chuyên môn cần được định nghĩa rõ trong quy tắc, điều khoản bảo hiểm;</p> <p>c) Thể hiện rõ ràng, minh bạch quyền lợi được bảo hiểm, đối tượng bảo hiểm, phạm vi và các rủi ro được bảo hiểm, quyền lợi và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm, trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, phương thức trả tiền bảo hiểm, các quy định giải quyết tranh chấp;</p>	<p>Nhằm giảm thủ tục hành chính, tăng tính chủ động trong việc xây dựng và thiết kế sản phẩm của DNBH PNT, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ. DNBH chủ động nắm bắt cơ hội phục vụ bên mua bảo hiểm. Chỉ cần quy định điều kiện để DNBH có căn cứ thực hiện, tự chịu trách nhiệm. Bộ Tài chính sẽ tăng cường hậu kiểm.</p>

<p>ng nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.</p> <p>3. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm của các sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới, trừ bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.</p> <p>4. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được chủ động cung cấp sản phẩm bảo hiểm dưới các hình thức sau đây:</p> <p>a) Trực tiếp;</p> <p>b) Thông qua đại lý bảo hiểm hoặc môi giới bảo hiểm;</p> <p>c) Thông qua đấu thầu;</p> <p>d) Thông qua giao dịch điện tử;</p> <p>đ) Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm quy định tại khoản 3 Điều này và việc cung cấp sản phẩm bảo hiểm quy định tại khoản 4 Điều này.</p>	<p>d) Phí bảo hiểm phải được xây dựng dựa trên số liệu thống kê, tương ứng với điều kiện, trách nhiệm bảo hiểm và bảo đảm khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.</p> <p>3. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm của các sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, <del>bảo hiểm xe cơ giới, trừ bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.</del></p> <p><u>3b. Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính trước khi áp dụng, thay đổi phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm xe cơ giới, trừ bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.</u></p> <p>4. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được chủ động cung cấp sản phẩm bảo hiểm dưới các hình thức sau đây:</p> <p>a) Trực tiếp;</p> <p>b) Thông qua đại lý bảo hiểm hoặc môi giới bảo hiểm;</p> <p>c) Thông qua đấu thầu;</p> <p>d) Thông qua giao dịch điện tử;</p> <p>đ) Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký phương pháp, cơ sở tính</p>	
--	---	--

	<p><del>phí bảo hiểm quy định tại khoản 3 Điều này.</del></p> <p><del>6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm quy định tại khoản 3 Điều này và việc cung cấp sản phẩm bảo hiểm quy định tại khoản 4 Điều này.</del></p>	
<b>MỤC 6. TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>		
<p><b>Điều 100. Đầu tư ra nước ngoài</b></p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm chỉ được đầu tư ra nước ngoài dưới các hình thức sau đây:</p> <p>a) Thành lập hoặc góp vốn thành lập, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm ở nước ngoài; thành lập chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm ở nước ngoài; mở văn phòng đại diện và hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài;</p> <p>b) Mua, bán chứng khoán, các giấy tờ có giá khác hoặc đầu tư thông qua các quỹ đầu tư chứng khoán, các định chế tài chính trung gian khác ở nước ngoài theo quy định của Chính phủ.</p> <p>2. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm được đầu tư ra nước ngoài từ các nguồn sau đây:</p> <p>a) Phần vốn chủ sở hữu còn lại sau khi trừ đi phần vốn đáp ứng yêu cầu tỷ lệ an toàn vốn và khả năng thanh toán theo quy định của Luật này;</p> <p>b) Phần vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ của các hợp đồng bảo hiểm có quyền lợi liên kết với các chỉ số đầu tư của nước ngoài và phần vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ của các hợp đồng bảo hiểm được</p>	<p><b>Điều 100. Đầu tư ra nước ngoài</b></p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm chỉ được đầu tư ra nước ngoài dưới các hình thức sau đây:</p> <p>a) Thành lập hoặc góp vốn thành lập, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm ở nước ngoài; thành lập chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm ở nước ngoài; mở văn phòng đại diện và hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài;</p> <p>b) Mua, bán chứng khoán, các giấy tờ có giá khác hoặc đầu tư thông qua các quỹ đầu tư chứng khoán, các định chế tài chính trung gian khác ở nước ngoài theo quy định của Chính phủ.</p> <p>2. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm được đầu tư ra nước ngoài từ các nguồn sau đây:</p> <p>a) Phần vốn chủ sở hữu còn lại sau khi trừ đi phần vốn đáp ứng yêu cầu tỷ lệ an toàn vốn và khả năng thanh toán theo quy định của Luật này;</p> <p>b) Phần vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ của các hợp đồng bảo hiểm có quyền lợi liên</p>	<p>Thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 về cắt giảm và đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp. Các quy định chung doanh nghiệp phải áp dụng thì không cần thiết có quy định tại các điều khoản riêng.</p>

<p>giao kết với các tổ chức, cá nhân tại nước ngoài.</p> <p>3. Việc đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải bảo đảm tuân thủ các quy định chung về đầu tư quy định tại Điều 99 của Luật này và các quy định sau đây:</p> <p>a) Bảo đảm tỷ lệ an toàn vốn và khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;</p> <p>b) Tuân thủ quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, pháp luật về đầu tư, pháp luật về quản lý ngoại hối;</p> <p>c) Thực hiện dưới tên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm đó;</p> <p>d) Thực hiện quản lý và theo dõi tách biệt nguồn vốn đầu tư, tài sản đầu tư, doanh thu, chi phí của hoạt động đầu tư ra nước ngoài;</p> <p>đ) Không được sử dụng tiền, tài sản của bên mua bảo hiểm trong nước để bù đắp lỗ, thiếu hụt tiền của hoạt động đầu tư ra nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;</p> <p>e) Được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện đầu tư ra nước ngoài.</p> <p>4. Chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không được đầu tư ra nước ngoài.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện, hạn mức, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.</p>	<p>kết với các chỉ số đầu tư của nước ngoài và phần vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ của các hợp đồng bảo hiểm được giao kết với các tổ chức, cá nhân tại nước ngoài.</p> <p>3. Việc đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm <u>phải được Bộ Tài chính chấp thuận trước khi thực hiện và</u> bảo đảm tuân thủ các quy định chung về đầu tư quy định tại Điều 99 của Luật này và các quy định sau đây:</p> <p>a) Bảo đảm tỷ lệ an toàn vốn và khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;</p> <p>b) Tuân thủ quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, pháp luật về đầu tư, pháp luật về quản lý ngoại hối;</p> <p>c) Thực hiện dưới tên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm đó;</p> <p>d) Thực hiện quản lý và theo dõi tách biệt nguồn vốn đầu tư, tài sản đầu tư, doanh thu, chi phí của hoạt động đầu tư ra nước ngoài;</p> <p>đ) Không được sử dụng tiền, tài sản của bên mua bảo hiểm trong nước để bù đắp lỗ, thiếu hụt tiền của hoạt động đầu tư ra nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;</p> <p><del>e) Được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện đầu tư ra nước ngoài.</del></p> <p>4. Chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không được đầu tư ra nước ngoài.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện, hạn mức, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.</p>	
---	--	--

**Điều 101. Tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm, phân chia thặng dư**

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải đăng ký nguyên tắc với Bộ Tài chính và thực hiện việc tách, ghi nhận và theo dõi riêng đối với:

a) Nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm và tài sản tương ứng của từng nguồn vốn;

b) Doanh thu, chi phí, kết quả từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, hoạt động đầu tư của nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm;

c) Nguồn phí bảo hiểm từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong và ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam; doanh thu, chi phí, dự phòng nghiệp vụ, các khoản chi phí tương ứng từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong và ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ phải tách, ghi nhận và theo dõi riêng tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động của các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có chia lãi theo phương pháp được Bộ Tài chính chấp thuận.

3. Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký, chấp thuận quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm, nguyên tắc phân chia thặng dư đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có chia lãi.

**Điều 101. Tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm, phân chia thặng dư**

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải ~~đăng ký nguyên tắc với Bộ Tài chính và thực hiện việc tách, ghi nhận và theo dõi riêng đối với~~ nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm như sau:

a) Nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm và tài sản tương ứng của từng nguồn vốn;

b) Doanh thu, chi phí, kết quả từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, hoạt động đầu tư của nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm;

c) Nguồn phí bảo hiểm từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong và ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam; doanh thu, chi phí, dự phòng nghiệp vụ, các khoản chi phí tương ứng từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong và ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ phải đăng ký và thực hiện theo phương pháp đã được Bộ Tài chính chấp thuận đối với nguyên tắc tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm, nguyên tắc phân chia thặng dư đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có chia lãi và theo dõi riêng tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động của các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có chia lãi theo phương pháp được Bộ Tài chính chấp thuận. Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính nguyên tắc tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm trước khi thực hiện và phải thực hiện theo đúng văn bản đã thông

Lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ chủ yếu là sản phẩm ngắn hạn, không có giá trị hoàn lại, 60-70% phí bảo hiểm được tái bảo hiểm, việc tách nguồn vốn và nguồn phí chủ yếu chỉ phục vụ công tác quản trị doanh nghiệp. Chỉ cần yêu cầu thông báo cho Bộ Tài chính biết để lưu, theo dõi, không cần trả lời, Bộ Tài chính sẽ tăng cường hậu kiểm.

	<p><u><i>báo cho Bộ Tài chính.</i></u></p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký, chấp thuận quy định tại <del>khoản 1</del> và khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm, nguyên tắc phân chia thặng dư đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có chia lãi.</p>	
<b>MỤC 8. CÔNG KHAI THÔNG TIN</b>		
<p><b>Điều 117. Trách nhiệm công khai thông tin</b></p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải công khai các thông tin quy định tại các điều 118, 119 và 120 của Luật này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công khai. Việc công khai thông tin phải chính xác, kịp thời, đầy đủ, dễ theo dõi và tuân thủ quy định của pháp luật.</p> <p>Trường hợp có thay đổi nội dung thông tin đã công khai, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải cập nhật kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công khai trước đó.</p> <p>2. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải đăng tải thông tin cần công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, chi nhánh đó. Việc đăng tải thông tin thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời hạn công khai thông tin thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn gửi báo cáo quy định tại Điều 118 của Luật này hoặc kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện</p>	<p><b>Điều 117. Trách nhiệm công khai thông tin</b></p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải công khai các thông tin quy định tại các điều 118, 119 và 120 của Luật này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công khai. Việc công khai thông tin phải chính xác, kịp thời, đầy đủ, dễ theo dõi và tuân thủ quy định của pháp luật.</p> <p>Trường hợp có thay đổi nội dung thông tin đã công khai, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải cập nhật kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công khai trước đó.</p> <p>2. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải đăng tải thông tin cần công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, chi nhánh đó. Việc đăng tải thông tin thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời hạn công khai thông tin thực hiện theo quy định sau đây:</p>	<p>Nhằm giảm bớt các thủ tục cho DNBH, DNTBH, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</p>

<p>liên quan tới các thông tin cần công khai quy định tại Điều 119 của Luật này;</p> <p>b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện liên quan tới các thông tin cần công khai quy định tại Điều 120 của Luật này.</p> <p>3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày công khai thông tin, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho Bộ Tài chính về nội dung thông tin công khai.</p> <p>4. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm là công ty đại chúng thực hiện công khai thông tin theo quy định của Luật này và quy định của Luật Chứng khoán.</p>	<p>a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn gửi báo cáo quy định tại Điều 118 của Luật này hoặc kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện liên quan tới các thông tin cần công khai quy định tại Điều 119 của Luật này;</p> <p>b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện liên quan tới các thông tin cần công khai quy định tại Điều 120 của Luật này.</p> <p><del>3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày công khai thông tin, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho Bộ Tài chính về nội dung thông tin công khai.</del></p> <p>4. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm là công ty đại chúng thực hiện công khai thông tin theo quy định của Luật này và quy định của Luật Chứng khoán</p>	
---	--	--

## **CHƯƠNG IV - ĐẠI LÝ BẢO HIỂM, DOANH NGHIỆP MÔI GIỚI BẢO HIỂM, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CUNG CẤP DỊCH VỤ PHỤ TRỢ BẢO HIỂM**

### **Mục 1. Đại lý bảo hiểm**

<p><b>Điều 125. Điều kiện hoạt động đại lý bảo hiểm</b></p> <p>1. Cá nhân hoạt động đại lý bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam;</p> <p>b) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;</p> <p>c) Có chứng chỉ đại lý bảo hiểm phù hợp theo quy định tại Điều 130 của Luật này.</p> <p>2. Tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm phải đáp ứng</p>	<p><b>Điều 125. Điều kiện hoạt động đại lý bảo hiểm</b></p> <p>1. Cá nhân hoạt động đại lý bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam;</p> <p><del>b) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;</del></p> <p>c) Có chứng chỉ đại lý bảo hiểm phù hợp theo</p>	<p>Thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 về cắt giảm và đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp. Các quy định chung đã có thì không cần thiết lặp lại tại quy định chi tiết</p>
---	---	---

<p>các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;</p> <p>b) Đã đăng ký ngành, nghề kinh doanh hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Đối với các tổ chức hoạt động trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận khác (nếu có) của cơ quan có thẩm quyền có nội dung hoạt động đại lý bảo hiểm;</p> <p>c) Có nhân viên trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>d) Điều kiện về nhân sự và điều kiện khác theo quy định của Chính phủ.</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân không được giao kết, thực hiện hợp đồng đại lý bảo hiểm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tổ chức là pháp nhân thương mại đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, tổ chức đang bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, đang bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn hoặc đang bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến bảo hiểm;</p> <p>b) Cá nhân đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành hình phạt cấm hành nghề liên quan đến lĩnh vực bảo hiểm.</p>	<p>quy định tại Điều 130 của Luật này.</p> <p>2. Tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p><del>a) Được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;</del></p> <p>b) Đã đăng ký ngành, nghề kinh doanh hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Đối với các tổ chức hoạt động trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận khác (nếu có) của cơ quan có thẩm quyền có nội dung hoạt động đại lý bảo hiểm;</p> <p>c) Có nhân viên trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>d) Điều kiện về nhân sự và điều kiện khác theo quy định của Chính phủ.</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân không được giao kết, thực hiện hợp đồng đại lý bảo hiểm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tổ chức là pháp nhân thương mại đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, tổ chức đang bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, đang bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn hoặc đang bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến bảo hiểm;</p> <p>b) Cá nhân đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành hình phạt cấm hành nghề liên quan đến lĩnh vực bảo hiểm.</p>	
<p><b>Điều 127. Nguyên tắc hoạt động của đại lý bảo hiểm</b></p>	<p><b>Điều 127. Nguyên tắc hoạt động của đại lý bảo hiểm</b></p>	<p>Nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ</p>



<p>1. Cá nhân không được đồng thời làm đại lý bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài khác hoạt động trong cùng loại hình bảo hiểm với doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài mà cá nhân đó đang làm đại lý. Cá nhân đang làm đại lý bảo hiểm cho một tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô không được đồng thời làm đại lý bảo hiểm cho tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô khác.</p> <p>2. Tổ chức không được đồng thời làm đại lý bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô mà tổ chức đó đang làm đại lý.</p> <p>3. Cá nhân hoạt động đại lý bảo hiểm, nhân viên trong tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm chỉ được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm đối với những sản phẩm bảo hiểm đã được đào tạo.</p> <p>4. Thông tin của cá nhân hoạt động đại lý bảo hiểm và nhân viên trong tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm phải được đăng ký và cập nhật tại cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm quy định tại Điều 11 của Luật này.</p> <p>5. Cá nhân đã được cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm nhưng không hoạt động đại lý bảo hiểm trong thời hạn 03 năm liên tục phải thực hiện thi lấy chứng chỉ đại lý bảo hiểm mới trước khi hoạt động đại lý.</p>	<p><del>1. Cá nhân không được đồng thời làm đại lý bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài khác hoạt động trong cùng loại hình bảo hiểm với doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài mà cá nhân đó đang làm đại lý</del>  <u>Cá nhân đang làm đại lý bảo hiểm cho một doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ không được đồng thời làm đại lý bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ khác. Cá nhân đang làm đại lý bảo hiểm cho một doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài không được đồng thời làm đại lý bảo hiểm cho doanh nghiệp phi bảo hiểm nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài khác.</u> Cá nhân đang làm đại lý bảo hiểm cho một tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô không được đồng thời làm đại lý bảo hiểm cho tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô khác.</p> <p>2. Tổ chức không được đồng thời làm đại lý bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô mà tổ chức đó đang làm đại lý.</p> <p>3. Cá nhân hoạt động đại lý bảo hiểm, nhân viên trong tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm chỉ được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm đối với những sản phẩm bảo hiểm đã được đào tạo.</p>	<p>trong cùng 1 tập đoàn hoặc cùng công ty mẹ trong tận dụng nguồn lực sẵn có về đại lý bảo hiểm phân phối bảo hiểm.</p>
--	---	--

	<p>4. Thông tin của cá nhân hoạt động đại lý bảo hiểm và nhân viên trong tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm phải được đăng ký và cập nhật tại cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm quy định tại Điều 11 của Luật này.</p> <p>5. Cá nhân đã được cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm nhưng không hoạt động đại lý bảo hiểm trong thời hạn 03 năm liên tục phải thực hiện thi lấy chứng chỉ đại lý bảo hiểm mới trước khi hoạt động đại lý.</p>	
<b>MỤC 2. DOANH NGHIỆP MÔI GIỚI BẢO HIỂM</b>		
<p><b>Điều 133. Điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm</b></p> <p>1. Điều kiện về cổ đông, thành viên góp vốn thành lập bao gồm:</p> <p>a) Tổ chức, cá nhân có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Tổ chức có tư cách pháp nhân, đang hoạt động hợp pháp và đáp ứng các điều kiện về tài chính theo quy định của Chính phủ.</p> <p>2. Điều kiện về vốn bao gồm:</p> <p>a) Vốn điều lệ được góp bằng Đồng Việt Nam và không thấp hơn mức tối thiểu theo quy định của Chính phủ;</p> <p>b) Cổ đông, thành viên góp vốn không được sử dụng vốn vay, nguồn vốn ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân khác để tham gia góp vốn.</p> <p>3. Điều kiện về nhân sự: có Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật</p>	<p><b>Điều 133. Điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm</b></p> <p>1. Điều kiện về cổ đông, thành viên góp vốn thành lập bao gồm:</p> <p><del>a) Tổ chức, cá nhân có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</del></p> <p>b) Tổ chức có tư cách pháp nhân, đang hoạt động hợp pháp và đáp ứng các điều kiện về tài chính theo quy định của Chính phủ.</p> <p>2. Điều kiện về vốn bao gồm:</p> <p><del>a) Vốn điều lệ được góp bằng Đồng Việt Nam</del> <u>bằng tiền</u> và không thấp hơn mức tối thiểu theo quy định của Chính phủ;</p> <p>b) Cổ đông, thành viên góp vốn không được sử dụng vốn vay, nguồn vốn ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân khác để tham gia góp vốn.</p> <p>3. Điều kiện về nhân sự: có Chủ tịch Hội đồng</p>	<p>-Thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 về cắt giảm và đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp</p> <p>- Một số nước không xác nhận về việc vi phạm nghiêm trọng. Việc yêu cầu xác nhận không vi phạm nghiêm trọng mang tính định tính, gây khó khăn cho chủ đầu tư.</p>

<p>dự kiến đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn về năng lực quản lý, kinh nghiệm và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Điều 138 của Luật này.</p> <p>4. Có hình thức tổ chức hoạt động theo quy định của Luật này và có dự thảo điều lệ phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài tham gia góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp từ 10% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Là tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài đang trực tiếp thực hiện hoặc có công ty con thực hiện hoạt động môi giới bảo hiểm trong 05 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>b) Được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép thành lập doanh nghiệp môi giới bảo hiểm tại Việt Nam và xác nhận không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về môi giới bảo hiểm của nước nơi tổ chức đặt trụ sở chính trong 03 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động.</p>	<p>quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật dự kiến đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn về năng lực quản lý, kinh nghiệm và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Điều 138 của Luật này.</p> <p><del>4. Có hình thức tổ chức hoạt động theo quy định của Luật này và có dự thảo điều lệ phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.</del></p> <p>5. Tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài tham gia góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp từ 10% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Là tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài đang trực tiếp thực hiện hoặc có công ty con thực hiện hoạt động môi giới bảo hiểm trong 05 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>b) Được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép thành lập doanh nghiệp môi giới bảo hiểm tại Việt Nam. <del>và xác nhận không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về môi giới bảo hiểm của nước nơi tổ chức đặt trụ sở chính trong 03 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động.</del></p>	
<p><b>Điều 136. Những thay đổi phải được chấp thuận hoặc phải thông báo</b></p> <p>1. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi một trong các nội dung sau đây:</p> <p>a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính;</p>	<p><b>Điều 136. Những thay đổi phải được chấp thuận hoặc phải thông báo</b></p> <p>1. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi một trong các nội dung sau đây:</p> <p>a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính;</p>	<p>Thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân</p> <p>Tạo điều kiện DNBH tự chịu trách nhiệm đối với hoạt động tổ chức, kinh doanh</p>

<p>b) Mức vốn điều lệ;</p> <p>c) Nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động;</p> <p>d) Chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến có cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ;</p> <p>đ) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;</p> <p>e) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp; mở chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài.</p> <p>2. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải thông báo cho Bộ Tài chính bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có những thay đổi sau đây:</p> <p>a) Thay đổi điều lệ hoạt động;</p> <p>b) Mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p>3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính chấp thuận việc thay đổi quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính có trách nhiệm công bố các nội dung thay đổi trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận các thay đổi quy định tại khoản 1 Điều này và hồ sơ, trình tự, thủ tục ghi nhận quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.</p>	<p>b) Mức vốn điều lệ;</p> <p>c) Nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động;</p> <p>d) Chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến có cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ;</p> <p>đ) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;</p> <p>e) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp; mở chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài.</p> <p>2. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải thông báo cho Bộ Tài chính bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có những thay đổi sau đây:</p> <p>a) Thay đổi điều lệ hoạt động;.”</p> <p><del>b) Mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện.</del></p> <p><u>2a. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có những thay đổi mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện.</u></p> <p>3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính chấp thuận việc thay đổi quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính có trách nhiệm công bố các nội dung thay đổi trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận các thay đổi quy định tại khoản 1 Điều này và hồ sơ, trình</p>	
--	--	--

	tự, thủ tục <del>ghi nhận</del> <u>thông báo</u> quy định tại <del>điểm b khoản 2</del> và <u>2a</u> Điều này	
<p><b>Điều 138. Nhân sự, vốn, tài chính, chế độ kế toán và báo cáo tài chính của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm</b></p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, trưởng bộ phận nghiệp vụ của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn về văn bằng, chứng chỉ, kinh nghiệm và các điều kiện khác theo quy định của Chính phủ.</p> <p>2. Người trực tiếp thực hiện hoạt động môi giới bảo hiểm phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm hoặc có chứng chỉ bảo hiểm phù hợp với loại hình bảo hiểm hoặc chứng chỉ môi giới bảo hiểm do các cơ sở đào tạo được thành lập và hoạt động hợp pháp trong nước hoặc ngoài nước cấp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>3. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải duy trì vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu và thực hiện chế độ tài chính theo quy định của Chính phủ.</p> <p>4. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm thực hiện năm tài chính, chế độ kế toán quy định tại Điều 103 và Điều 104 của Luật này và thực hiện kiểm toán độc lập hằng năm đối với báo cáo tài chính.</p> <p>5. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính đối với các báo cáo sau đây:</p> <p>a) Báo cáo tài chính;</p> <p>b) Báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ, báo cáo đột</p>	<p><b>Điều 138. Nhân sự, vốn, tài chính, chế độ kế toán và báo cáo tài chính của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm</b></p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, trưởng bộ phận nghiệp vụ của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn về văn bằng, chứng chỉ, kinh nghiệm và các điều kiện khác theo quy định của Chính phủ.</p> <p>2. Người trực tiếp thực hiện hoạt động môi giới bảo hiểm phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm hoặc có chứng chỉ bảo hiểm phù hợp với loại hình bảo hiểm hoặc chứng chỉ môi giới bảo hiểm do các cơ sở đào tạo được thành lập và hoạt động hợp pháp trong nước hoặc ngoài nước cấp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>3. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải duy trì vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu và thực hiện chế độ tài chính theo quy định của Chính phủ.</p> <p><u>3a. Việc đầu tư của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải bảo đảm nguyên tắc an toàn, thanh khoản, hiệu quả; tuân thủ quy định pháp luật, tự chịu trách nhiệm về hoạt động đầu tư. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm không được đầu tư dưới mọi hình thức cho các cổ đông, thành viên góp vốn hoặc người có liên quan với cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, trừ</u></p>	<p>Hiện nay, Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành không có quy định về đầu tư đối với các DNMGBH. Do đó, một số hoạt động đầu tư có tiềm ẩn rủi ro về việc quản lý, sử dụng vốn chủ sở hữu của các DNMGBH và gây ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp. Việc bổ sung quy định để đảm bảo hoạt động đầu tư của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được an toàn và hiệu quả</p>

<p>xuất, cung cấp thông tin, số liệu khác.</p> <p>6. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có vốn đầu tư nước ngoài được phép chuyển lợi nhuận, chuyển tài sản ra nước ngoài quy định tại Điều 107 của Luật này.</p> <p>7. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm thực hiện quản trị tài chính quy định tại Điều 108 của Luật này.</p> <p>8. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm thực hiện công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp các thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và những thay đổi phải được Bộ Tài chính chấp thuận quy định tại khoản 1 Điều 136 của Luật này và thông tin quy định tại các điểm a, b và e khoản 1 Điều 120 của Luật này. Trách nhiệm công khai thông tin thực hiện theo quy định tại Điều 117 của Luật này.</p>	<p><u>tiền gửi tại các cổ đông, thành viên là tổ chức tín dụng.</u></p> <p>4. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm thực hiện năm tài chính, chế độ kế toán quy định tại Điều 103 và Điều 104 của Luật này và thực hiện kiểm toán độc lập hằng năm đối với báo cáo tài chính.</p> <p>5. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính đối với các báo cáo sau đây:</p> <p>a) Báo cáo tài chính;</p> <p>b) Báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ, báo cáo đột xuất, cung cấp thông tin, số liệu khác.</p> <p>6. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có vốn đầu tư nước ngoài được phép chuyển lợi nhuận, chuyển tài sản ra nước ngoài quy định tại Điều 107 của Luật này.</p> <p>7. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm thực hiện quản trị tài chính quy định tại Điều 108 của Luật này.</p> <p>8. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm thực hiện công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp các thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và những thay đổi phải được Bộ Tài chính chấp thuận quy định tại khoản 1 Điều 136 của Luật này và thông tin quy định tại các điểm a, b và e khoản 1 Điều 120 của Luật này. Trách nhiệm công khai thông tin thực hiện theo quy định tại Điều 117 của Luật này.</p>	
<b>Mục 2. DOANH NGHIỆP MÔI GIỚI BẢO HIỂM</b>		
<b>Điều 143. Điều kiện cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm</b>	<b>Điều 143. Điều kiện cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm</b>	- Thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 về cắt giảm và đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh

<p>1. Cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;</p> <p>b) Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm. Trường hợp không có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm thì phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành khác và có chứng chỉ phụ trợ bảo hiểm về tư vấn do các cơ sở đào tạo được thành lập và hoạt động hợp pháp trong nước hoặc ngoài nước cấp.</p> <p>2. Tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có tư cách pháp nhân, được thành lập và hoạt động hợp pháp;</p> <p>b) Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động phụ trợ bảo hiểm trong tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có văn bằng, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm phù hợp với loại hình dịch vụ phụ trợ bảo hiểm do các cơ sở đào tạo được thành lập và hoạt động hợp pháp trong nước hoặc ngoài nước cấp;</p> <p>c) Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động giám định tổn thất bảo hiểm trong tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm phải đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b khoản này và các tiêu chuẩn của giám định viên theo quy định của pháp luật về thương mại;</p> <p>d) Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động tính toán bảo hiểm trong tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm phải đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b khoản này và điều kiện, tiêu chuẩn đối với Chuyên gia tính toán.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết các điểm b, c và d khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết các loại</p>	<p>1. Cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p><del>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;</del></p> <p>b) Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm. Trường hợp không có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm thì phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành khác và có chứng chỉ phụ trợ bảo hiểm về tư vấn do các cơ sở đào tạo được thành lập và hoạt động hợp pháp trong nước hoặc ngoài nước cấp.</p> <p>2. Tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p><del>a) Có tư cách pháp nhân; được thành lập và hoạt động hợp pháp;</del></p> <p>b) Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động phụ trợ bảo hiểm trong tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có văn bằng, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm phù hợp với loại hình dịch vụ phụ trợ bảo hiểm do các cơ sở đào tạo được thành lập và hoạt động hợp pháp trong nước hoặc ngoài nước cấp;</p> <p>c) Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động giám định tổn thất bảo hiểm trong tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm phải đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b khoản này và các tiêu chuẩn của giám định viên theo quy định của pháp luật về thương mại;</p> <p>d) Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động tính toán bảo hiểm trong tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm phải đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b khoản này và điều kiện, tiêu chuẩn đối với Chuyên gia tính toán.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết các điểm b, c</p>	<p>doanh cho doanh nghiệp</p>
---	--	-------------------------------

<p>chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm, nội dung đào tạo, hồ sơ, trình tự, thủ tục thi, cấp, cấp đổi, thu hồi chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm.</p>	<p>và d khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết các loại chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm, nội dung đào tạo, hồ sơ, trình tự, thủ tục thi, cấp, cấp đổi, thu hồi chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm.</p>	
<p><b>CHƯƠNG VI - QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM</b></p>		
<p><b>Điều 151. Quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b></p> <p>1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:</p> <p>a) Ban hành, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động kinh doanh bảo hiểm, xây dựng chiến lược, đề án và chính sách phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam;</p> <p>b) Thực hiện thống kê, dự báo về thị trường bảo hiểm;</p> <p>c) Giám sát doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm thông qua hoạt động nghiệp vụ, tình hình tài chính, quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro và việc chấp hành pháp luật về hoạt động kinh doanh bảo hiểm; giám sát hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>d) Giám sát hoạt động đại lý bảo hiểm, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm thông qua doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại</p>	<p><b>Điều 151. Quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b></p> <p>1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:</p> <p>a) Ban hành, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động kinh doanh bảo hiểm, xây dựng chiến lược, đề án và chính sách phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam;</p> <p>b) Thực hiện thống kê, dự báo về thị trường bảo hiểm;</p> <p>c) Giám sát doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm thông qua hoạt động nghiệp vụ, tình hình tài chính, quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro và việc chấp hành pháp luật về hoạt động kinh doanh bảo hiểm; giám sát hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>d) Giám sát hoạt động đại lý bảo hiểm, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm thông qua doanh nghiệp</p>	<p>Hiện nay, Bộ Tài chính và Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm không còn chức năng thanh tra đối với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm theo các căn cứ pháp lý sau đây:</p> <p>- Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội, Kết luận số 134-KL ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy hệ thống cơ quan thanh tra.</p> <p>- Căn cứ Nghị định số 109/2025/NĐ-CP ngày 20/5/2025 của Thanh tra Chính phủ về việc bãi bỏ chức năng thanh tra tại Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.</p> <p>- Căn cứ Quyết định số 1892/QĐ-BTC ngày 30/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị thuộc Bộ Tài chính.</p>



<p>Việt Nam;</p> <p>đ) Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; kiểm tra hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>e) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo hiểm;</p> <p>g) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm hành chính về hoạt động kinh doanh bảo hiểm.</p>	<p>bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>đ) <del>Thanh tra, kiểm tra</del> <u>chuyên ngành</u> doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, <del>kiểm tra hoạt động</del> của văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>e) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo hiểm;</p> <p>g) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm hành chính về hoạt động kinh doanh bảo hiểm.</p>	
<p><b>Điều 152. Cơ chế phối hợp trong quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b></p> <p>1. Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài trong việc quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra đối với chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của Chính phủ.</p> <p>2. Bộ Tài chính thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin quản lý, giám sát với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ, ngành khác và tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>3. Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan để triển khai liên kết, hợp tác giữa hoạt động kinh doanh bảo hiểm và bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế do Nhà nước thực hiện.</p> <p>4. Cơ quan đăng ký kinh doanh không được chấp thuận trong tên doanh nghiệp có sử dụng cụm từ hoặc thuật ngữ “bảo hiểm”, “tái bảo hiểm” hoặc các cụm từ, thuật ngữ khác nếu việc sử dụng cụm từ, thuật ngữ này có thể gây nhầm lẫn đó là doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi</p>	<p><b>Điều 152. Cơ chế phối hợp trong quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b></p> <p>1. Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài trong việc quản lý, giám sát, <del>thanh tra, kiểm tra</del> <u>chuyên ngành</u> đối với chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của Chính phủ.</p> <p>2. Bộ Tài chính thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin quản lý, giám sát với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ, ngành khác và tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>3. Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan để triển khai liên kết, hợp tác giữa hoạt động kinh doanh bảo hiểm và bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế do Nhà nước thực hiện.</p> <p>4. Cơ quan đăng ký kinh doanh không được chấp thuận trong tên doanh nghiệp có sử dụng</p>	<p>Hiện nay, Bộ Tài chính và Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm không còn chức năng thanh tra đối với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm theo các căn cứ pháp lý sau đây:</p> <p>- Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;</p> <p>- Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội, Kết luận số 134-KL ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy hệ thống cơ quan thanh tra.</p> <p>- Căn cứ Nghị định số 109/2025/NĐ-CP ngày 20/5/2025 của Thanh tra Chính phủ về việc bãi bỏ chức năng thanh tra tại Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.</p> <p>- Căn cứ Quyết định số 1892/QĐ-BTC ngày 30/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức</p>

<p>nhánh nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>5. Cơ quan đăng ký kinh doanh không được chấp thuận trong tên doanh nghiệp có sử dụng cụm từ hoặc thuật ngữ “môi giới bảo hiểm”, “môi giới tái bảo hiểm” hoặc các cụm từ, thuật ngữ khác nếu việc sử dụng cụm từ, thuật ngữ này có thể gây nhầm lẫn đó là doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.</p>	<p>cụm từ hoặc thuật ngữ “bảo hiểm”, “tái bảo hiểm” hoặc các cụm từ, thuật ngữ khác nếu việc sử dụng cụm từ, thuật ngữ này có thể gây nhầm lẫn đó là doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>5. Cơ quan đăng ký kinh doanh không được chấp thuận trong tên doanh nghiệp có sử dụng cụm từ hoặc thuật ngữ “môi giới bảo hiểm”, “môi giới tái bảo hiểm” hoặc các cụm từ, thuật ngữ khác nếu việc sử dụng cụm từ, thuật ngữ này có thể gây nhầm lẫn đó là doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.</p>	<p>của đơn vị thuộc Bộ Tài chính.</p>
<p><b>Điều 153. Quyền yêu cầu cung cấp thông tin của Bộ Tài chính trong thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính về hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b></p> <p>1. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính về hoạt động kinh doanh bảo hiểm, ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về thanh tra, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và quy định khác của pháp luật có liên quan, Bộ Tài chính còn có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:</p> <p>a) Yêu cầu các cổ đông, thành viên góp vốn, người quản lý, người kiểm soát, nhân viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm giải thích và cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu có liên quan đến nội dung thanh tra, kiểm tra;</p> <p>b) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thông tin, tài liệu, dữ liệu có liên quan đến nội dung thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh bảo hiểm cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu đó hoặc yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, đến làm việc liên quan đến nội</p>	<p><b>Điều 153. Quyền yêu cầu cung cấp thông tin của Bộ Tài chính trong <del>thanh tra, kiểm tra</del> <u>chuyên ngành</u>, xử lý vi phạm hành chính về hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b></p> <p>1. Trong quá trình <del>thanh tra, kiểm tra</del> <u>chuyên ngành</u>, xử lý vi phạm hành chính về hoạt động kinh doanh bảo hiểm, ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về <del>thanh tra</del> kiểm tra <u>chuyên ngành</u>, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và quy định khác của pháp luật có liên quan, Bộ Tài chính còn có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:</p> <p>a) Yêu cầu các cổ đông, thành viên góp vốn, người quản lý, người kiểm soát, nhân viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm giải thích và cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu có liên quan đến nội dung <del>thanh tra, kiểm tra</del> <u>chuyên ngành</u>;</p> <p>b) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thông tin, tài liệu, dữ liệu có liên quan đến nội dung</p>	<p>Hiện nay, Bộ Tài chính và Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm không còn chức năng thanh tra đối với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm theo các căn cứ pháp lý sau đây:</p> <p>- Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;</p> <p>- Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội, Kết luận số 134-KL ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy hệ thống cơ quan thanh tra.</p> <p>- Căn cứ Nghị định số 109/2025/NĐ-CP ngày 20/5/2025 của Thanh tra Chính phủ về việc bãi bỏ chức năng thanh tra tại Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.</p> <p>- Căn cứ Quyết định số 1892/QĐ-BTC ngày 30/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị thuộc Bộ Tài chính.</p>

dung thanh tra, kiểm tra;

c) Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, đại lý bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, công ty quản lý quỹ của doanh nghiệp bảo hiểm, văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có dấu hiệu thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 9 của Luật này hoặc vi phạm các quy định về tỷ lệ an toàn vốn, hoạt động đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, an toàn tài chính, khả năng thanh toán quy định tại các điều 95, 99, 100, 109 và 110 của Luật này. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân hàng.

2. Việc yêu cầu tổ chức, cá nhân phối hợp, cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu, giải trình, đến làm việc theo quy định tại Điều này phải được thực hiện bằng văn bản, nêu rõ mục đích, căn cứ, nội dung, phạm vi yêu cầu.

3. Các thông tin do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức, cá nhân cung cấp theo quy định tại Điều này phải được bảo mật theo quy định của pháp luật và chỉ được sử dụng cho mục đích thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính của tổ chức, cá nhân có liên quan.

~~thanh tra~~, kiểm tra chuyên ngành hoạt động kinh doanh bảo hiểm cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu đó hoặc yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, đến làm việc liên quan đến nội dung ~~thanh tra~~, kiểm tra chuyên ngành;

c) Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, đại lý bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, công ty quản lý quỹ của doanh nghiệp bảo hiểm, văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có dấu hiệu thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 9 của Luật này hoặc vi phạm các quy định về tỷ lệ an toàn vốn, hoạt động đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, an toàn tài chính, khả năng thanh toán quy định tại các điều 95, 99, 100, 109 và 110 của Luật này. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân hàng.

2. Việc yêu cầu tổ chức, cá nhân phối hợp, cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu, giải trình, đến làm việc theo quy định tại Điều này phải được thực hiện bằng văn bản, nêu rõ mục đích, căn cứ, nội dung, phạm vi yêu cầu.

3. Các thông tin do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức, cá nhân cung cấp theo quy định tại Điều này phải được bảo mật theo quy định của pháp luật và chỉ được sử dụng cho mục đích ~~thanh tra~~, kiểm tra chuyên ngành, xử lý vi phạm hành

	chính của tổ chức, cá nhân có liên quan.	
<p><b>Điều 154. Thanh tra hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b></p> <p>1. Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>2. Khi xét thấy cần thiết, để thực hiện thanh tra chuyên ngành kinh doanh bảo hiểm, cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này có quyền thuê tổ chức kiểm toán độc lập, công ty tư vấn hoặc chuyên gia đánh giá, có ý kiến về chuyên môn đối với một số nội dung có dấu hiệu ảnh hưởng tới sự an toàn, lành mạnh của đối tượng thanh tra khi xét thấy cần thiết bao gồm:</p> <p>a) Dự phòng nghiệp vụ;</p> <p>b) Khả năng thanh toán;</p> <p>c) Tái bảo hiểm;</p> <p>d) Đầu tư;</p> <p>đ) Tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm, phân chia thặng dư;</p> <p>e) Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm.</p> <p>3. Tổ chức kiểm toán độc lập, công ty tư vấn hoặc chuyên gia được thuê chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, khách quan của số liệu, tài liệu đánh giá, ý kiến về các nội dung đưa ra.</p> <p>4. Tổ chức và hoạt động của thanh tra chuyên ngành kinh doanh bảo hiểm theo quy định của Luật này và pháp luật về thanh tra.</p>	<p><b>Điều 154. <del>Thanh tra</del> <u>Kiểm tra chuyên ngành hoạt động kinh doanh bảo hiểm</u></b></p> <p>1. Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm thực hiện chức năng <del>thanh tra</del> <u>kiểm tra</u> chuyên ngành kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>2. Khi xét thấy cần thiết, để thực hiện <del>thanh tra</del> <u>kiểm tra</u> chuyên ngành kinh doanh bảo hiểm, cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này có quyền thuê tổ chức kiểm toán độc lập, công ty tư vấn hoặc chuyên gia đánh giá, có ý kiến về chuyên môn đối với một số nội dung có dấu hiệu ảnh hưởng tới sự an toàn, lành mạnh của đối tượng <del>thanh tra</del> <u>kiểm tra chuyên ngành</u> khi xét thấy cần thiết bao gồm:</p> <p>a) Dự phòng nghiệp vụ;</p> <p>b) Khả năng thanh toán;</p> <p>c) Tái bảo hiểm;</p> <p>d) Đầu tư;</p> <p>đ) Tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm, phân chia thặng dư;</p> <p>e) Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm.</p> <p>3. Tổ chức kiểm toán độc lập, công ty tư vấn hoặc chuyên gia được thuê chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, khách quan của số liệu, tài liệu đánh giá, ý kiến về các nội dung đưa ra.</p> <p>4. <del>Tổ chức và</del> Hoạt động của <del>thanh tra</del> <u>kiểm tra</u> chuyên ngành kinh doanh bảo hiểm theo quy định của Luật này và pháp luật về <del>thanh tra</del> <u>kiểm tra chuyên ngành</u>.</p>	<p>Hiện nay, Bộ Tài chính và Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm không còn chức năng thanh tra mà chỉ còn chức năng kiểm tra chuyên ngành đối với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm theo các căn cứ pháp lý sau đây:</p> <p>- Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội, Kết luận số 134-KL ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy hệ thống cơ quan thanh tra.</p> <p>- Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;</p> <p>- Căn cứ Nghị định số 109/2025/NĐ-CP ngày 20/5/2025 của Thanh tra Chính phủ về việc bãi bỏ chức năng thanh tra tại Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.</p> <p>- Căn cứ Quyết định số 1892/QĐ-BTC ngày 30/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị thuộc Bộ Tài chính.</p>

## CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### Điều 156. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Khoản 3 Điều 86, khoản 4 và khoản 5 Điều 94, Điều 95, khoản 3 và khoản 4 Điều 99, các điều 109, 110, 111, 112, 113, 114 và 116 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2028.
3. Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 61/2010/QH12 và Luật số 42/2019/QH14 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp sau đây:
  - a) Khoản 1 Điều 157 của Luật này;
  - b) Các điều 77, 78, 79, 80, 81, 83, 94 và 98 của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 61/2010/QH12 và Luật số 42/2019/QH14 có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

### Điều 156. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Khoản 3 Điều 86, khoản 3 và khoản 4 Điều 99 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2028.
  - 2a. Khoản 4 và khoản 5 Điều 94, Điều 95, các điều 109, 110, 111, 112, 113, 114 và 116 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm ~~2028~~2031.
  - 2b. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2028 đến ngày 31 tháng 12 năm 2030, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam theo dõi, quản lý vốn, tính toán tỷ lệ an toàn vốn, trường hợp vốn thực có thấp hơn vốn trên cơ sở rủi ro, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài được chủ động phương án, lộ trình tăng vốn.
3. Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 61/2010/QH12 và Luật số 42/2019/QH14 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp sau đây:
  - a) Khoản 1 Điều 157 của Luật này;
  - b) ~~Các điều 77, 78, 79, 80, 81, 83, 94 và 98~~ của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 61/2010/QH12 và Luật số 42/2019/QH14 có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027;

Việc áp dụng mô hình vốn trên cơ sở rủi ro tại Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 đã tiếp cận với thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, hiện tại, Bộ Tài chính chưa nhận được hỗ trợ dài hạn về cả nguồn lực tài chính và nguồn nhân sự có đủ kinh nghiệm, năng lực để tiếp tục hoàn thiện mô hình RBC cho thị trường bảo hiểm Việt Nam.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính đang triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin phục vụ cho quá trình quản lý, giám sát thị trường bảo hiểm và xây dựng mô hình vốn trên cơ sở rủi ro dự kiến thực hiện vào giai đoạn 2026-2030. Ngoài ra, chế độ kế toán của các DNBH hiện nay chủ yếu ghi nhận theo giá trị ghi sổ chưa đồng bộ với việc ghi nhận theo giá trị thị trường trong mô hình vốn trên cơ sở rủi ro.

Do đó, việc triển khai ngay mô hình vốn trên cơ sở rủi ro vào năm 2028 sẽ gặp khó khăn về nguồn lực và cơ sở hạ tầng thông tin. Nghiên cứu kinh nghiệm của Hong Kong, bên cạnh thời gian 10 năm nghiên cứu xây dựng thì cơ quan quản lý cho phép doanh nghiệp bảo hiểm có 3 năm áp dụng thử nghiệm đề doanh nghiệp có thời gian chuẩn bị nguồn lực và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin.

	<i><u>b1) Các điều 77, 78, 79, 80, 81, 83 và 98 của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 61/2010/QH12 và Luật số 42/2019/QH14 có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031</u></i>	
<p><b>Điều 157. Điều khoản chuyển tiếp</b></p> <p>1. Các hợp đồng bảo hiểm đã giao kết trước ngày Luật này có hiệu lực và còn thời hạn hợp đồng thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên tham gia hợp đồng bảo hiểm có thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng để phù hợp với Luật này và để áp dụng quy định của Luật này.</p> <p>2. Chứng chỉ đại lý bảo hiểm được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025. Bộ Tài chính quy định chi tiết việc chuyển đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực sang chứng chỉ đại lý bảo hiểm theo quy định của Luật này.</p> <p>3. Chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng.</p> <p>4. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài dừng trích nộp Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm.</p> <p>5. Việc xử lý số dư Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm quy định tại Điều 97 của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 61/2010/QH12 và Luật số 42/2019/QH14 được thực hiện như sau:</p> <p>a) Toàn bộ số dư của Quỹ bảo vệ người được bảo</p>	<p><b>Điều 157. Điều khoản chuyển tiếp</b></p> <p>1. Các hợp đồng bảo hiểm đã giao kết trước ngày Luật này có hiệu lực và còn thời hạn hợp đồng thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên tham gia hợp đồng bảo hiểm có thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng để phù hợp với Luật này và để áp dụng quy định của Luật này.</p> <p>2. Chứng chỉ đại lý bảo hiểm được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng đến <b>hết ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>. Bộ Tài chính quy định chi tiết việc chuyển đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực sang chứng chỉ đại lý bảo hiểm theo quy định của Luật này.</p> <p>3. Chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng.</p> <p>4. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài dừng trích nộp Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm.</p> <p>5. Việc xử lý số dư Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm quy định tại Điều 97 của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của HHHB về việc gia hạn một khoảng thời gian hợp lý để phù hợp với thực tế khối lượng hồ sơ chứng chỉ còn tồn đọng vì những lý do khách quan, chủ yếu từ phía các DNBH (hồ sơ, giấy tờ của đại lý bảo hiểm chưa được chuẩn hóa qua các thời kỳ).</p> <p>Do đó với khoảng thời gian nhận hồ sơ chuyển đổi chứng chỉ chỉ còn chưa tới 2 tháng (tới 30/09/2025 để triển khai rà soát hoàn thành vào 31/12/2025), việc gia hạn 06 tháng sẽ tạo điều kiện cho các DNBH tập hợp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển đổi chứng chỉ ĐLBH cho hơn 300.000 hồ sơ dự kiến cần chuyển đổi là cần thiết. Việc gia hạn 1 năm là không phù hợp, không hiệu quả vì quy định chuyển đổi đã ban hành tại Thông tư 69/2022/TT-BTC, cho dù hướng dẫn thực hiện cụ thể nhưng DNBH cũng cần có sự chủ động chuẩn bị, phía cơ quan quản lý (VIDI) thực chất đã chuẩn bị đủ điều kiện để hoàn thành công tác chuyển đổi đúng theo quy định tại Luật KDBH số 08/2022/QH15.</p>

<p>hiểm được Bộ Tài chính quản lý để sử dụng cho mục đích bảo vệ quyền lợi của người được bảo hiểm trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm mất khả năng thanh toán hoặc phá sản;</p> <p>b) Chính phủ quy định chi tiết về quản lý và sử dụng số dư của Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm.</p>	<p>61/2010/QH12 và Luật số 42/2019/QH14 được thực hiện như sau:</p> <p>a) Toàn bộ số dư của Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm được Bộ Tài chính quản lý để sử dụng cho mục đích bảo vệ quyền lợi của người được bảo hiểm trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm mất khả năng thanh toán hoặc phá sản;</p> <p>b) Chính phủ quy định chi tiết về quản lý và sử dụng số dư của Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm.</p>	
---	--	--